

CHỦ ĐIỂM 10: BỐN MÙA TƯƠI ĐẸP (TUẦN 21 – 22)

Chủ điểm *Bốn mùa tươi đẹp* hướng đến việc hình thành cho HS phẩm chất *yêu thiên nhiên*; giáo dục HS có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây cối, cảnh vật xung quanh mình.

BÀI 1: CHUYỆN BỐN MÙA (tiết 1 – 4, SHS, tr.26 – 28)

I. MỤC TIÊU

1. Kể được tên các mùa trong năm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Mỗi mùa trong năm đều có vẻ đẹp riêng, đều có ích cho cuộc sống*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên, cảnh vật bốn mùa*; kể được tên một số loại hoa, quả thường có trong mỗi mùa.
3. Viết đúng chữ S hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm của các mùa; đặt được câu về đặc điểm của sự vật; đặt và trả lời được câu hỏi về hình dáng của sự vật.
5. Nói được 1 – 2 câu về một mùa mình thích.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về vẻ đẹp bốn mùa, hoa quả trong các mùa (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Các cháu* đến *đáng yêu*.
- Mẫu chữ viết hoa S.
- Thẻ từ ghi sẵn các từ ngữ ở BT 3 để tổ chức cho HS làm BT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Bốn mùa tươi đẹp*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về tên của các mùa mà em biết: mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông, mùa nắng, mùa mưa,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Chuyện bốn mùa*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc, nhân vật, lời nói, hành động của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của từng mùa, giọng nàng Đông buồn bã, giọng nàng Xuân vui tươi, giọng nàng Thu nhỏ nhẹ, giọng nàng Hạ tinh nghịch, giọng bà Đất hiền từ).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *sung sướng, lộc*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ ở một số câu dài, nhấn giọng ở một số từ ngữ: Nhưng phải có nắng của em Hạ, / cây trong vườn / mới đơm trái ngọt.//, Cháu có công ấp ủ mầm sống / để cây cối đâm chồi / nảy lộc.//...

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *lộc* (chồi lá non),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Mỗi mùa trong năm đều có vẻ đẹp riêng, đều có ích cho cuộc sống.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên, cảnh vật bốn mùa.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Các cháu* đến *đáng yêu*.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, đọc trước lớp đoạn từ *Các cháu* đến *đáng yêu*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Hoa thơm trái ngọt*.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ nêu tên một số loài hoa, quả thường có ở mỗi mùa (Gợi ý: mùa xuân: *hoa đào, hoa mai, cam, quýt*, mùa hè: *hoa phượng, hoa bằng lăng, quả vải*; mùa thu: *hoa cúc, quả hồng, quả bưởi, quả xoài*; mùa đông: *hoa dong riềng*,... GV có thể lưu ý: có những loại hoa quả có trong 4 mùa: *chuối, mướp, gừng, củ cải, khoai,...*

Ở miền Bắc: sen nở vào mùa hè, còn ở miền Nam: sen nở vào mùa khô,... Hiện nay, nhờ kỹ thuật lai tạo giống, có những loài hoa quả có ở cả 4 mùa, VD: *hoa cúc, cam, xoài, bưởi*.

Lưu ý: ở miền Nam chỉ có 2 mùa: mùa mưa và mùa khô, GV không gò ép HS nói theo 4 mùa ở miền Bắc và GV có thể mở rộng cho HS ở miền Bắc/ miền Nam biết về hoa, quả ở mỗi vùng miền theo mùa).

– HS nghe một vài nhóm trình bày trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả (GV có thể tổ chức trò chơi tiếp sức/ truyền điện).

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ S hoa

– HS quan sát mẫu chữ S hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ S hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ S hoa.

– HS viết chữ S hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ S hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Sông dài biển rộng*.

– HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ S hoa, cách nối nét từ chữ S hoa sang chữ ô.

– HS quan sát cách GV viết chữ *Sông*.

– HS viết chữ *Sông* và câu ứng dụng *Sông dài biển rộng* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

*Làng Chợ đẹp lắm ai ơi
Sông sâu tắm mát trên đồi nương ngô.
Ca dao*

– HS viết chữ S hoa, chữ *Sông* và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3a.

– HS đọc và chọn những đám mây có từ ngữ chỉ đặc điểm, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ (Đáp án: *trắng muốt, mát mẽ, trong vắt, xanh ngắt, rực rỡ, tươi tốt*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 3b.

– HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ đặc điểm của cảnh vật trong các mùa theo nhóm nhỏ.

– HS giải nghĩa và đặt câu với một số từ ngữ vừa tìm được.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, quan sát tranh.
- HS đặt câu trong nhóm đôi.
- HS viết 1 – 2 câu vừa đặt vào VBT và chia sẻ kết quả.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b, đọc mẫu và quan sát tranh.
- HS đặt và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi (Đáp án gợi ý: *ngà voi cong cong, thân cây thẳng đuột, dây leo xoắn tít, ...*).
- HS viết vào VBT 1 cặp câu hỏi và trả lời (theo mẫu).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói về một mùa em thích.*
- HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.
- HS nói trước lớp và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về một mùa em thích, lí do em thích và những hoạt động em thích làm vào mùa đó.